TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 07 – 11 – 2019
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Anh Minh.

2. Bà Huỳnh Ngọc Sương.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 1333/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1976; nơi ĐKHKTT: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh T. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Vương Mỹ P, sinh năm 1974; thường trú: khu phố B, phường N, thị xã T, tỉnh B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/9/2019, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Huỳnh Văn D trình bày:

Ông Huỳnh Văn D và bà Vương Mỹ P quen nhau và có tổ chức đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức đám cưới. Quá trình chung sống ông D và bà P có 02 người con chung là cháu Vương Công T, sinh ngày 16/6/2003, Vương Thùy N, sinh ngày 18/4/2001. Thời gian đầu chung sống thì ông D và bà P hạnh phúc, được một thời gian thì cả hai bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do

tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, không hòa hợp từ đó dẫn đến việc ông D và bà P thường xuyên cãi nhau, sống không hạnh phúc. Cả hai ông bà đã sống riêng từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa.

Ông D xác định tình cảm với bà P không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và chung sống hạnh phúc với nhau được nên yêu cầu ly hôn với bà P.

Về con chung: Sau khi ly hôn, ông D tự nguyện giao con chung là cháu Vương Công T, sinh ngày 16/6/2003 cho bà P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đối với con chung Vương Thùy N, sinh ngày 18/4/2001 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông D không cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án không công nhận ông D và bà P là vợ chồng vì ông bà chưa đăng ký kết hôn. Các yêu cầu khác giữ nguyên.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Vương Mỹ P trình bày:

Thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về thời gian chung sống, con chung, thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, thời gian vợ chồng sống riêng. Bị đơn bà P xác định chung sống ông D từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Bà P xác định không còn tình cảm với ông D, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể đoàn tụ để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và chung sống hạnh phúc với nhau được nên đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận bà P và ông D là vợ chồng.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Vương Công T, sinh ngày 16/6/2003. Đối với con chung Vương Thùy N, sinh ngày 18/4/2001 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bị đơn không có ý kiến trình bày nào khác. Bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử xem xét, kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận ông Huỳnh Văn D

và bà Vương Mỹ P là vợ chồng; Giao con chung cháu Vương Công T, sinh ngày 16/6/2003 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, yêu cầu giải quyết về con chung; bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh B do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật và không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn D và bà Vương Mỹ P chung sống với nhau từ năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Tòa án đã phân tích, động viên để hai bên về đoàn tụ, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng các bên đều thống nhất xác định quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, quan điểm sống bất đồng, tính tình không hợp nhau, tình cảm không còn, không tiếp tục chung sống cùng nhau được, nguyên đơn ông D yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa ông D và bà P, bà P đồng ý.

Tại Điểm b, c Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/96/2000 của Quốc Hội quy định: *Nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn 02 năm kể từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003, từ sau thời gian này thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng.*

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy, ông Huỳnh Văn D và bà Vương Mỹ P có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, ông D và bà P thống

nhất yêu cầu không công nhận vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ không công nhận ông D và bà P là vợ chồng.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông D và bà P có 02 người con chung là cháu Vương Công T, sinh ngày 16/6/2003, Vương Thùy N, sinh ngày 18/4/2001. Quá trình tố tụng, Tòa án đã lấy ý kiến cháu T và cháu có nguyện vọng sống với bà P, đồng thời, bà P và ông D thỏa thuận, bà P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Vương Công T, sinh ngày 16/6/2003. Đối với con chung là cháu Vương Thùy N, sinh ngày 18/4/2001 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà P tự nguyện không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn D.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn D đối với bị đơn bà Vương Mỹ P về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Huỳnh Văn D và bà Vương Mỹ P là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Vương Công T, sinh ngày 16/6/2003 cho bà Vương Mỹ P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Đối với con chung là cháu Vương Thùy N, sinh ngày 18/4/2001 đã trên 18 tuổi nên ông D và bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vương Mỹ P không yêu cầu ông Huỳnh Văn D cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Huỳnh Văn D và bà Vương Mỹ P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Huỳnh Văn D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036116 ngày 03/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Ánh